

Bản án số: **60/2019/ HNGĐ-ST**

Ngày: 29-11-2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Thanh Cao;

Ông: Nguyễn Phát Triền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10/9/2019 “V/v Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 734/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 08/11/2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Tuyết N, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Đường 1, Tổ 7, Cư xá điện lực, khu phố 6, phường Trường T, quận Thủ Đức, thành phố H (Có mặt).

- *Bị đơn:* Trần Văn B, sinh năm: 1977; Địa chỉ: ấp Hòa Đức, xã Tân H, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Trần Văn Ổ, sinh năm: 1947; Địa chỉ: ấp Hòa Đức, xã Tân H, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/8/2019; Tờ tường trình ngày 23/10/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị Tuyết N trình bày: chị Trần Thị Tuyết N và anh Trần Văn B quen biết nhau năm 2005, sau thời gian tìm hiểu chúng tôi có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trường T, quận T Đ, TP H. Quá trình chung sống hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, nên chị Trần Thị Tuyết N và anh Trần Văn B đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay chị Trần Thị Tuyết N không còn tình cảm nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên Trần Thị Tuyết N xin được ly hôn với Trần Văn B; Về con chung: không có; Về tài sản và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Trần Văn B đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

Tại Biên bản lấy lời khai của ông Trần Văn Ó ngày 21/10/2019 trình bày: Hiện nay Trần Văn B đang đi làm thuê, thỉnh thoảng vài ngày có về thăm nhà, tất cả các văn bản của Tòa án gửi cho Trần Văn B do ông Trần Văn Ó nhận thay, ông Trần Văn Ó đã giao cho Trần Văn B nhưng Trần Văn B không có văn bản ý kiến gì gửi Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn anh Trần Văn B. Về con không có con chung; Về tài sản và nợ khi ly hôn: Chị Trần Thị Tuyết N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trần Thị Tuyết N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa Trần Thị Tuyết N với Trần Văn B, đây là vụ án “Ly hôn”; thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Trần Văn B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại các phiên tòa không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Trần Thị Tuyết N và anh Trần Văn B có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng chị Trần Thị Tuyết N vẫn cương quyết ly hôn với anh Trần Văn B. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, anh Trần Văn B biết việc chị N xin ly hôn với anh B nhưng luôn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, điều này cho thấy anh Trần Văn B không có thiện chí đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt cho nên việc chị Trần Thị Tuyết N yêu cầu ly hôn là thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Trần Thị Tuyết N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Tuyết N trình bày không có con chung nên hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Trần Thị Tuyết N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn với anh Trần Văn B.

2. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: chị Trần Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Trần Thị Tuyết N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0001794, ngày 06/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Trần Thị Tuyết N đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2019). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Cẩm Nhung